

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT XUYỀN MỘC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: ĐỊA- LỚP: 12
Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 04 trang)

Mã đề: 1101

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Nam Trung Bộ phát triển đa dạng sản phẩm du lịch biển đảo nhằm mục đích chủ yếu là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- B. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thế mạnh.
- C. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. giữ gìn cảnh quan, tăng khả năng cạnh tranh.

Câu 2. Vai trò của nguồn lợi thủy sản đối với phát triển kinh tế ĐBSCL là gì?

- A. Tạo điều kiện phát triển cho du lịch sinh thái.
- B. Thay thế vai trò trọng điểm sản xuất lúa gạo.
- C. Góp phần tạo việc làm và phát triển xuất khẩu.
- D. Là nguồn thu chính của ngành nông nghiệp.

Câu 3. Ngành GTVT ở vùng Đông Nam Bộ **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Đồng Nai) đang được xây dựng.
- B. Có đủ loại hình GTVT và ngày càng hoàn thiện và hiện đại.
- C. Mạng lưới đường bộ dày đặc và TP. Hồ Chí Minh là đầu mối lớn.
- D. Từ TP. Hồ Chí Minh tỏa đi nhiều tuyến đường sắt nhất cả nước.

Câu 4. Khai thác bô-xít ở Nam Trung Bộ cung cấp nguyên liệu chính để sản xuất

- A. bột nhôm.
- B. phân lân.
- C. sắt thép.
- D. nhiệt điện.

Câu 5. Khu dự trữ sinh quyển Cà Mau thuộc loại hình du lịch nào?

- A. Du lịch thể thao.
- B. Du lịch sinh thái.
- C. Du lịch biển.
- D. Du lịch văn hóa.

Câu 6. Hướng chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất muối công nghiệp ở Nam Trung Bộ là

- A. xây dựng thương hiệu, thu hút nhân công.
- B. đổi mới trang thiết bị, nâng cấp giao thông.
- C. đào tạo lao động, nâng diện tích sản xuất.
- D. đẩy mạnh chế biến, tăng cường xuất khẩu.

Câu 7. Hoạt động nuôi trồng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ đang chuyển đổi theo định hướng nào sau đây?

- A. Đầu tư, bổ sung nguồn thức ăn.
- B. Giống mới, đặc sản, giá trị cao.
- C. Đa dạng hoá sản phẩm nuôi trồng.
- D. Tăng diện tích mặt nước nuôi trồng.

Câu 8. Các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. cao su, chè, dừa.
C. cao su, điều, chè.

- B. cà phê, cao su, dừa.
D. cao su, điều, hồ tiêu.

Câu 9. Phát triển nhà máy lọc dầu ở Nam Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. đảm bảo an ninh năng lượng, tạo nhiều việc.
B. giảm tác động môi trường, hiện đại hạ tầng.
C. cung cấp nhiều sản phẩm, bảo vệ môi trường.
D. tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ, nâng cao giá trị.

Câu 10. Nam Trung Bộ có vị trí giáp với hai nước láng giềng là

- A. Thái Lan, Lào.
C. Lào, Cam-pu-chia.
B. Trung Quốc, Lào.
D. Cam-pu-chia, Thái Lan.

Câu 11. Hạn chế nào khiến ĐBSCL gặp khó khăn trong phát triển giao thông vận tải?

- A. Dân cư phân bố không đều.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
B. Địa hình đồng bằng thấp trũng.
D. Diện tích đất canh tác nhỏ.

Câu 12. Mục đích chủ yếu của việc phát triển khai thác cá ngừ đại dương ở Nam Trung Bộ là

- A. giải quyết vấn đề thực phẩm, thu hút vốn.
B. thay đổi cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu.
C. cung cấp nguyên liệu, thúc đẩy xuất khẩu.
D. khai thác lợi thế, tạo sản phẩm hàng hóa.

Câu 13. Tại sao ĐBSCL được coi là vùng trọng điểm lúa gạo của cả nước?

- A. Đất đai phì nhiêu, nguồn nước dồi dào.
B. Gần các trung tâm công nghiệp lớn.
C. Vùng có dân số đông nhất cả nước.
D. Khí hậu cận nhiệt đới rất thích hợp.

Câu 14. Ngành nội thương của vùng Đông Nam Bộ phát triển, phân bố rộng rãi do khai thác thế mạnh về

- A. nền kinh tế phát triển nhất cả nước.
B. dân số đông và tăng rất nhanh.
C. nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng.
D. các ngành công nghiệp phát triển.

Câu 15. Đặc điểm khí hậu nào sau đây là của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hóa đa dạng.
B. Cận xích đạo gió mùa, nền nhiệt độ cao.
C. Cận xích đạo gió mùa, biên độ nhiệt lớn.
D. Nhiệt đới gió mùa, phân hóa theo độ cao.

Câu 16. Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Nam Trung Bộ là

- A. cà phê.
B. cao su.
C. chè.
D. điều.

Câu 17. Lũ ở ĐBSCL **không** mang lại nguồn lợi nào sau đây?

- A. Phù sa bồi đắp cho đồng bằng.
C. Nguồn lợi thủy sản dồi dào.
B. Nguồn khoáng sản phong phú.
D. Nước ngọt thau chua, rửa mặn.

Câu 18. Nam Trung Bộ đã hình thành nhiều cảng biển quan trọng nhờ lợi thế chủ yếu về

- A. nhiều quần đảo lớn, đường bờ biển kéo dài.
- B. tài nguyên biển phong phú, thềm lục địa sâu.
- C. nhiều cửa sông, vùng đặc quyền kinh tế rộng.
- D. gần đường biển quốc tế, các vịnh sâu kín gió.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Các đồng bào dân tộc thiểu số vùng Nam Trung Bộ đã hình thành và lưu giữ được những nét văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc, nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, có giá trị lịch sử và thẩm mỹ độc đáo, như rượu cần, nhà rông, nhà dài, nhà mồ, đàn T'rưng, các bộ sử thi đồ sộ hay “không gian văn hóa cồng chiêng”.... Mỗi tỉnh trong vùng có sự hiện diện ít nhất một sắc màu văn hóa nổi bật có tính đại diện cho bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương.

(Nguồn: *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, 2023)

- a) Nam Trung Bộ là vùng có mật độ dân số cao, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc, tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hoá.
- b) Thiên tai, điều kiện về cơ sở hạ tầng, giao thông còn hạn chế gây khó khăn cho phát triển du lịch ở Nam Trung Bộ.
- c) Các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể tạo thuận lợi chủ yếu cho Nam Trung Bộ phát triển đa dạng sản phẩm du lịch, thu hút du khách và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- d) Giải pháp chủ yếu để tăng doanh thu từ ngành du lịch ở Nam Trung Bộ là hoàn thiện hạ tầng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường quảng bá.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài, khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh kín gió (Dung Quất, Quy Nhơn, Cam Ranh, Vân Phong), dọc ven biển có nhiều bãi tắm đẹp (Mỹ Khê, Nha Trang, Mũi Né,...) và các bán đảo, đảo ven bờ. Vùng có các ngư trường trọng điểm là Ninh Thuận - Bình Thuận, đặc khu Hoàng Sa, đặc khu Trường Sa, nguồn lợi thủy sản rất phong phú. Ở thềm lục địa có tiềm năng về dầu mỏ và khí tự nhiên, ven biển có cát thủy tinh, ti-tan,... nhiều nơi thuận lợi cho sản xuất muối.

- a) Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- b) Nhiều vũng vịnh kín gió là điều kiện thuận lợi để vùng phát triển hoạt động khai thác khoáng sản.
- c) Vùng có thể đẩy mạnh phát triển du lịch biển do có nhiều bãi tắm đẹp, các bán đảo và đảo ven bờ có cảnh quan phong phú.
- d) Sản xuất muối của vùng rất thuận lợi chủ yếu do có đường bờ biển dài, khúc khuỷu, vùng biển rộng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

“Vùng ĐNB dù chỉ chiếm 7% diện tích tự nhiên nhưng lại chiếm 20% dân số cả nước. Đặc biệt các tỉnh, thành trong vùng hàng năm đóng góp đến trên 30% tổng sản phẩm quốc nội, gần 40% ngân sách và 35% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Sở hữu nhiều lợi thế tự nhiên, con người cần cù, năng động nên ĐNB đã phát triển đa dạng các ngành nghề từ nông nghiệp, công nghiệp,

xây dựng, thương mại đến du lịch, dịch vụ... Đi cùng với sự phát triển mạnh mẽ là nhu cầu về nhân lực đa dạng, thúc đẩy mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo đa dạng”.

Nguồn: <https://baodongnai.com.vn/>- Nhân lực cho phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ

a. ĐNB đóng góp hàng năm đều trên 30% cho cả nước về tổng sản phẩm quốc nội, ngân sách và kim ngạch xuất khẩu.

b. ĐNB đã phát triển đa dạng các ngành nghề là do vùng thu hút lực lượng lao động đông đảo từ nhiều tỉnh thành về.

c. Việc phát triển mạnh mẽ về kinh tế đa ngành đòi hỏi về nhu cầu về nguồn lao động đa dạng và chất lượng cao.

d. Giải pháp nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng là đa dạng hóa các loại hình đào tạo.

Câu 4. Cho thông tin sau:

"Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu, bao gồm hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn. Để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, chính quyền và người dân đã tăng cường áp dụng các biện pháp khoa học như xây dựng hệ thống đê điều, kênh mương thoát nước, đồng thời chuyển đổi cơ cấu cây trồng để thích ứng với điều kiện tự nhiên thay đổi."

(Nguồn: Báo Nhân Dân, 2023)

a) Hiện nay, ĐBSCL là vùng đang phải đối mặt với tình trạng xâm nhập mặn nặng nhất cả nước do nước biển dâng.

b) Việc xây dựng hệ thống đê điều và kênh mương thoát nước là biện pháp duy nhất để thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Cơ cấu cây trồng tại ĐBSCL không cần thay đổi để thích ứng với điều kiện tự nhiên hiện tại.

d) Nguyên nhân chính của hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn ở ĐBSCL là do biến đổi khí hậu và mùa khô kéo dài.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG HẢI SẢN KHAI THÁC CỦA NAM TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2010-2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2020	2022
Sản lượng hải sản khai thác	707,1	913,6	1144,8	1167,9

(Nguồn Tổng cục Thống kê năm 2023)

Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng hải sản khai thác của Nam Trung Bộ năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 2. Năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu của vùng ĐNB là 236,5 tỉ USD, cán cân xuất nhập khẩu của vùng là -11,3 tỉ USD. Tính giá trị nhập khẩu của vùng ĐNB năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Theo Niên giám Thống kê năm 2023, dân số vùng ĐBSCL năm 2023 là 17463,3 nghìn người và dân số thành thị là 4780,8 nghìn người. Tính tỉ lệ dân thành thị của vùng ĐBSCL năm 2023 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT XUYÊN MỘC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: ĐỊA- LỚP: 12
Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 04 trang)

Mã đề: 1102

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Các hồ chứa thủy lợi và thủy điện nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Trị An, Hồ Lắc. B. Dầu Tiếng, Trị An.
C. Trị An, Phù Ninh. D. Dầu Tiếng, Xuân Hương.

Câu 2. Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Nam Trung Bộ là

- A. khí hậu ổn định, ít ảnh hưởng của bão.
B. nhiều vũng, vịnh; thủy sản phong phú.
C. vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn.
D. bờ biển dài, biển nóng ẩm quanh năm.

Câu 3. Thế mạnh nào sau đây đã thúc đẩy ngành dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây?

- A. Ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển hàng đầu cả nước.
B. Nền kinh tế phát triển mạnh, chất lượng đời sống tăng.
C. Dân số đông, chất lượng đời sống cao và tăng nhanh.
D. Chất lượng đời sống cao, nền kinh tế phát triển mạnh.

Câu 4. Phương hướng nào sau đây **không** phù hợp với việc sử dụng hợp lí tự nhiên ở ĐBSCL?

- A. Chủ động kiểm soát lũ, khai thác mùa lũ.
B. Tập trung chủ yếu nuôi trồng thủy sản.
C. Phát triển nông nghiệp xanh, bền vững.
D. Đầu tư hiện đại hoá hệ thống thủy lợi.

Câu 5. Thế mạnh hàng đầu về tự nhiên giúp Nam Trung Bộ phát triển cây công nghiệp lâu năm là

- A. khí hậu phân hóa theo độ cao, lượng mưa lớn.
B. khí hậu nhiệt đới ẩm, có sự phân hóa
C. nước ngầm dồi dào, sông ngòi dày đặc.
D. địa hình cao nguyên bằng phẳng, đất badan.

Câu 6. Doanh thu từ du lịch của Nam Trung Bộ ngày càng tăng chủ yếu do

- A. các chính sách đầu tư, thu hút nhiều du khách.
B. sản phẩm hấp dẫn, tài nguyên du lịch đa dạng.

- C. có nhiều khách quốc tế, mức sống dân cư tăng.
- D. đẩy mạnh quảng bá, cơ sở hạ tầng được đầu tư.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí của vùng Nam Trung Bộ?

- A. Giáp với vùng Đồng bằng sông Hồng.
- B. Vùng giáp biển Đông giàu tiềm năng.
- C. Giáp với hai quốc gia là Lào và Cam-pu-chia.
- D. Giáp với vùng Đông Nam Bộ.

Câu 8. Số tỉnh thuộc vùng Nam Trung Bộ hiện nay là

- A. 5
- B. 4
- C. 6
- D. 8

Câu 9. Khoáng sản có nhiều ở vùng núi của Nam Trung Bộ là

- A. than, sắt.
- B. dầu mỏ.
- C. apatit.
- D. bô-xít.

Câu 10. Nhóm đất chiếm phần lớn diện tích ở ĐBSCL là gì?

- A. Đất cát.
- B. Đất phù sa.
- C. Đất mặn.
- D. Đất phèn.

Câu 11. Làm thế nào để phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản ở ĐBSCL?

- A. Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
- B. Tăng cường xây dựng các nhà máy chế biến thủy sản.
- C. Đẩy mạnh nuôi trồng kết hợp bảo vệ môi trường nước.
- D. Tăng cường đánh bắt nguồn lợi thủy sản ở xa bờ.

Câu 12. Tác động của biến đổi khí hậu đối với ĐBSCL chủ yếu là

- A. giảm lượng phù sa bồi đắp của vùng.
- B. giảm sản lượng và năng suất cây lúa.
- C. gia tăng ngập lụt và xâm nhập mặn.
- D. làm tăng nạn phá rừng ngập mặn.

Câu 13. Những mỏ dầu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Bạch Hổ, Lan Đỏ.
- B. Bạch Hổ, Rồng.
- C. Lan Tây, Tiền Hải.
- D. Lan Tây, Lan Đỏ.

Câu 14. Hoạt động chế biến hải sản ngày càng phát triển ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. ứng dụng công nghệ, thị trường mở rộng.
- B. nhu cầu đa dạng, phát triển cơ sở hạ tầng.
- C. đẩy mạnh thâm canh, đầu tư vào kỹ thuật.
- D. ưu tiên xuất khẩu, mở rộng diện tích nuôi.

Câu 15. Sản lượng tôm nuôi của ĐBSCL tăng mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do

- A. diện tích biển rộng, khí hậu thuận lợi, công nghệ chế biến hiện đại.
- B. thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh chế biến, nhiều cửa sông.
- C. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều rừng ngập mặn, lao động dồi dào.
- D. phát triển trang trại lớn, áp dụng kỹ thuật mới, mở rộng thị trường.

Câu 16. Ngành khai thác bô-xít ở Nam Trung Bộ phát triển trong thời gian gần đây là do

- A. có trữ lượng lớn, nhu cầu thị trường cao.
- B. đào tạo và nâng cao trình độ lao động.
- C. được nâng cấp về cơ sở hạ tầng, vốn lớn.

D. chính sách phát triển, nhu cầu thị trường.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho ngành công nghiệp công nghệ cao của vùng Đông Nam Bộ phát triển mạnh những năm gần đây?

A. Lao động có trình độ cao.

B. Nguồn vốn đầu tư lớn.

C. Cơ sở hạ tầng đồng bộ.

D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 18. Ở vùng Đông Nam Bộ, loại rừng nào sau đây chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ?

A. Rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

B. Rừng phòng hộ, rừng ngập mặn.

C. Rừng ngập mặn, rừng sản xuất.

D. Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nam Trung Bộ có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng và đối ngoại của cả nước. Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế với các thế mạnh về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khai thác bô-xít và du lịch. Khí hậu của vùng có sự phân hóa thành hai mùa mưa - khô rõ rệt và theo độ cao địa hình. Tuy nhiên, mùa khô kéo dài 4 đến 5 tháng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu,...tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

a) Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước là những giải pháp để phát triển bền vững ở vùng Nam Trung Bộ.

b) Mùa khô ở Nam Trung Bộ kéo dài gây nhiều trở ngại cho sản xuất và đời sống người dân trong vùng.

c) Điều kiện khí hậu tạo thuận lợi cho Nam Trung Bộ phát triển chủ yếu các cây công nghiệp lâu năm có nguồn gốc cận nhiệt đới.

d) Khí hậu của vùng Nam Trung Bộ mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Vùng Nam Trung Bộ đã khai thác thế mạnh và phát triển thủy điện từ rất sớm, trữ năng thủy điện tập trung chủ yếu trên các sông Sê San, Srê Pôk và Đồng Nai. Tổng sản lượng điện toàn vùng tăng liên tục trong những năm gần đây. Xây dựng nhà máy thủy điện cũng như hình thành các bậc thang thủy điện Nam Trung Bộ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tiết kiệm nguồn nước và chi phí xây dựng, bảo vệ tài nguyên môi trường, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, ngoài ra phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản tại các hồ thủy lợi.

a) Nam Trung Bộ là vùng có sản lượng thủy điện lớn nhất cả nước.

b) Nam Trung Bộ phải xây dựng các bậc thang thủy điện là do địa hình dốc, nhiều sông suối có độ dốc lớn và lưu lượng nước mạnh.

c) Xây dựng các công trình thủy điện gây thiếu phù sa cho hạ lưu, ảnh hưởng đến nông nghiệp và hệ sinh thái sông.

d) Khai thác thủy năng kết hợp với thủy lợi giúp Nam Trung Bộ khắc phục một phần khô hạn, giữ mực nước ngầm.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp ở Đông Nam Bộ, năm 2015 và 2021

Sản phẩm	2015	2021
Dầu thô (triệu tấn)	7,7	4,2
Khí tự nhiên (tỉ m ³)	8,5	6,1
Điện (tỉ kWh)	57,8	77,1
Giày giép (triệu đôi)	482,3	1262,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê 2016, 2022)

- a) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp ở Đông Nam Bộ từ năm 2015 đến 2021 đều tăng.
b) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp ở Đông Nam Bộ từ năm 2015 đến 2021 đều giảm.
c) Sản lượng điện và giày dép đều tăng và tăng lần lượt là 1,3 lần và 2,6 lần.
d) Suy giảm sản lượng tài nguyên thiên nhiên, tăng cường phát triển công nghiệp dịch vụ.

Câu 4. Cho thông tin sau:

"Ngành du lịch tại Đồng bằng sông Cửu Long đang có nhiều tiềm năng phát triển nhờ vào cảnh quan sông nước, văn hóa đặc trưng và hệ sinh thái đa dạng. Du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng đã trở thành những hình thức thu hút du khách. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng du lịch còn chưa hoàn thiện và sự phụ thuộc vào thời tiết làm giảm khả năng khai thác du lịch quanh năm."

(Nguồn: Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2022)

- a) Cơ sở hạ tầng du lịch tại ĐBSCL đã phát triển đầy đủ và đáp ứng nhu cầu du khách.
b) Du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng là các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng ĐBSCL.
c) ĐBSCL có thể khai thác tất cả các loại hình du lịch quanh năm mà không bị ảnh hưởng bởi thời tiết.
d) Tài nguyên du lịch của vùng rất phong phú và độc đáo là những yếu tố thu hút khách du lịch đến ĐBSCL.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.**Câu 1.** Cho bảng số liệu sau:**SẢN LƯỢNG HẢI SẢN KHAI THÁC CỦA NAM TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2010 – 2022**
(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2020	2022
Sản lượng hải sản khai thác	707,1	913,6	1 144,8	1181
Trong đó: Cá biển	516,9	721,9	940,4	1067,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2023)

Tính tỉ trọng sản lượng cá biển so với sản lượng hải sản khai thác năm 2022 (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị %).

Câu 2. Năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu của vùng ĐNB là 236,5 tỉ USD, cán cân xuất nhập khẩu của vùng là -11,3 tỉ USD. Tính giá trị xuất khẩu của vùng ĐNB năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu:**Tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô vùng ĐBSCL, giai đoạn 2019 – 2023 (Đơn vị: ‰)**

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tỉ suất sinh thô	12,7	12,8	12,4	10,9	10,3
Tỉ suất tử thô	7,0	6,8	6,9	7,1	6,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023)

Tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của vùng ĐBSCL năm 2023? (đơn vị tính là %, làm tròn đến 2 số thập phân)

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT XUYÊN MỘC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: ĐỊA- LỚP: 12
Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 1103

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Đặc điểm khí hậu nào sau đây là của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Cận xích đạo gió mùa, biên độ nhiệt lớn.
- B. Nhiệt đới gió mùa, phân hóa theo độ cao.
- C. Nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hóa đa dạng.
- D. Cận xích đạo gió mùa, nền nhiệt độ cao.

Câu 2. Nam Trung Bộ đã hình thành nhiều cảng biển quan trọng nhờ lợi thế chủ yếu về

- A. nhiều cửa sông, vùng đặc quyền kinh tế rộng.
- B. tài nguyên biển phong phú, thềm lục địa sâu.
- C. nhiều quần đảo lớn, đường bờ biển kéo dài.
- D. gần đường biển quốc tế, các vịnh sâu kín gió.

Câu 3. Khai thác bô-xít ở Nam Trung Bộ cung cấp nguyên liệu chính để sản xuất

- A. nhiệt điện.
- B. sắt thép.
- C. bột nhôm.
- D. phân lân.

Câu 4. Các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. cao su, chè, dừa.
- B. cao su, điều, hồ tiêu.
- C. cao su, điều, chè.
- D. cà phê, cao su, dừa.

Câu 5. Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Nam Trung Bộ là

- A. cao su.
- B. cà phê.
- C. điều.
- D. chè.

Câu 6. Lũ ở ĐBSCL **không** mang lại nguồn lợi nào sau đây?

- A. Nguồn khoáng sản phong phú.
- B. Phù sa bồi đắp cho đồng bằng.
- C. Nước ngọt thau chua, rửa mặn.
- D. Nguồn lợi thủy sản dồi dào.

Câu 7. Hạn chế nào khiến ĐBSCL gặp khó khăn trong phát triển giao thông vận tải?

- A.** Diện tích đất canh tác nhỏ.
B. Địa hình đồng bằng thấp trũng.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
D. Dân cư phân bố không đều.

Câu 8. Nam Trung Bộ phát triển đa dạng sản phẩm du lịch biển đảo nhằm mục đích chủ yếu là

- A.** sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
B. giữ gìn cảnh quan, tăng khả năng cạnh tranh.
C. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thể mạnh.
D. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 9. Mục đích chủ yếu của việc phát triển khai thác cá ngừ đại dương ở Nam Trung Bộ là

- A.** giải quyết vấn đề thực phẩm, thu hút vốn.
B. cung cấp nguyên liệu, thúc đẩy xuất khẩu.
C. khai thác lợi thế, tạo sản phẩm hàng hóa.
D. thay đổi cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu.

Câu 10. Phát triển nhà máy lọc dầu ở Nam Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A.** giảm tác động môi trường, hiện đại hạ tầng.
B. cung cấp nhiều sản phẩm, bảo vệ môi trường.
C. tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ, nâng cao giá trị.
D. đảm bảo an ninh năng lượng, tạo nhiều việc.

Câu 11. Ngành nội thương của vùng Đông Nam Bộ phát triển, phân bố rộng rãi do khai thác thế mạnh về

- A.** dân số đông và tăng rất nhanh.
B. nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng.
C. nền kinh tế phát triển nhất cả nước.
D. các ngành công nghiệp phát triển.

Câu 12. Vai trò của nguồn lợi thủy sản đối với phát triển kinh tế ĐBSCL là gì?

- A. Là nguồn thu chính của ngành nông nghiệp.**
B. Thay thế vai trò trọng điểm sản xuất lúa gạo.
C. Tạo điều kiện phát triển cho du lịch sinh thái.
D. Góp phần tạo việc làm và phát triển xuất khẩu.

Câu 13. Nam Trung Bộ có vị trí giáp với hai nước láng giềng là

- A.** Trung Quốc, Lào.
B. Cam-pu-chia, Thái Lan.
C. Lào, Cam-pu-chia.
D. Thái Lan, Lào.

Câu 14. Hướng chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất muối công nghiệp ở Nam Trung Bộ là

- A.** xây dựng thương hiệu, thu hút nhân công.
B. đổi mới trang thiết bị, nâng cấp giao thông.
C. đẩy mạnh chế biến, tăng cường xuất khẩu.
D. đào tạo lao động, nâng diện tích sản xuất.

Câu 15. Tại sao ĐBSCL được coi là vùng trọng điểm lúa gạo của cả nước?

- A. Khí hậu cận nhiệt đới rất thích hợp.**
B. Vùng có dân số đông nhất cả nước.

C. Đất đai phì nhiêu, nguồn nước dồi dào.

D. Gần các trung tâm công nghiệp lớn.

Câu 16. Hoạt động nuôi trồng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ đang chuyển đổi theo định hướng nào sau đây?

A. Tăng diện tích mặt nước nuôi trồng.

B. Giống mới, đặc sản, giá trị cao.

C. Đầu tư, bổ sung nguồn thức ăn.

D. Đa dạng hoá sản phẩm nuôi trồng.

Câu 17. Ngành GTVT ở vùng Đông Nam Bộ **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Từ TP. Hồ Chí Minh tỏa đi nhiều tuyến đường sắt nhất cả nước.

B. Mạng lưới đường bộ dày đặc và TP. Hồ Chí Minh là đầu mối lớn.

C. Có đủ loại hình GTVT và ngày càng hoàn thiện và hiện đại.

D. Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Đồng Nai) đang được xây dựng.

Câu 18. Khu dự trữ sinh quyển Cà Mau thuộc loại hình du lịch nào?

A. Du lịch văn hóa.

B. Du lịch sinh thái.

C. Du lịch biển.

D. Du lịch thể thao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho thông tin sau:

"Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu, bao gồm hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn. Để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, chính quyền và người dân đã tăng cường áp dụng các biện pháp khoa học như xây dựng hệ thống đê điều, kênh mương thoát nước, đồng thời chuyển đổi cơ cấu cây trồng để thích ứng với điều kiện tự nhiên thay đổi."

(Nguồn: Báo Nhân Dân, 2023)

a) Hiện nay, ĐBSCL là vùng đang phải đối mặt với tình trạng xâm nhập mặn nặng nhất cả nước do nước biển dâng.

b) Việc xây dựng hệ thống đê điều và kênh mương thoát nước là biện pháp duy nhất để thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Cơ cấu cây trồng tại ĐBSCL không cần thay đổi để thích ứng với điều kiện tự nhiên hiện tại.

d) Nguyên nhân chính của hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn ở ĐBSCL là do biến đổi khí hậu và mùa khô kéo dài.

Câu 2. Cho thông tin sau:

"Vùng ĐNB dù chỉ chiếm 7% diện tích tự nhiên nhưng lại chiếm 20% dân số cả nước. Đặc biệt các tỉnh, thành trong vùng hàng năm đóng góp đến trên 30% tổng sản phẩm quốc nội, gần 40% ngân sách và 35% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Sở hữu nhiều lợi thế tự nhiên, con người cần cù, năng động nên ĐNB đã phát triển đa dạng các ngành nghề từ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, thương mại đến du lịch, dịch vụ... Đi cùng với sự phát triển mạnh mẽ là nhu cầu về nhân lực đa dạng, thúc đẩy mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo đa dạng".

Nguồn: <https://baodongnai.com.vn/>- Nhân lực cho phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ

a. ĐNB đóng góp hàng năm đều trên 30% cho cả nước về tổng sản phẩm quốc nội, ngân sách và kim ngạch xuất khẩu.

- b.** ĐNB đã phát triển đa dạng các ngành nghề là do vùng thu hút lực lượng lao động đông đảo từ nhiều tỉnh thành về.
- c.** Việc phát triển mạnh mẽ về kinh tế đa ngành đòi hỏi về nhu cầu về nguồn lao động đa dạng và chất lượng cao.
- d.** Giải pháp nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng là đa dạng hóa các loại hình đào tạo.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài, khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh kín gió (Dung Quất, Quy Nhơn, Cam Ranh, Vân Phong), dọc ven biển có nhiều bãi tắm đẹp (Mỹ Khê, Nha Trang, Mũi Né,...) và các bán đảo, đảo ven bờ. Vùng có các ngư trường trọng điểm là Ninh Thuận - Bình Thuận, đặc khu Hoàng Sa, đặc khu Trường Sa, nguồn lợi thủy sản rất phong phú. Ở thềm lục địa có tiềm năng về dầu mỏ và khí tự nhiên, ven biển có cát thủy tinh, ti-tan,... nhiều nơi thuận lợi cho sản xuất muối.

- a)** Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- b)** Nhiều vũng vịnh kín gió là điều kiện thuận lợi để vùng phát triển hoạt động khai thác khoáng sản.
- c)** Vùng có thể đẩy mạnh phát triển du lịch biển do có nhiều bãi tắm đẹp, các bán đảo và đảo ven bờ có cảnh quan phong phú.
- d)** Sản xuất muối của vùng rất thuận lợi chủ yếu do có đường bờ biển dài, khúc khuỷu, vùng biển rộng.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Các đồng bào dân tộc thiểu số vùng Nam Trung Bộ đã hình thành và lưu giữ được những nét văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc, nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, có giá trị lịch sử và thẩm mỹ độc đáo, như rượu cần, nhà rông, nhà dài, nhà mồ, đàn T'rưng, các bộ sử thi đồ sộ hay “không gian văn hóa cồng chiêng”.... Mỗi tỉnh trong vùng có sự hiện diện ít nhất một sắc màu văn hóa nổi bật có tính đại diện cho bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương.

(Nguồn: *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, 2023)

- a)** Nam Trung Bộ là vùng có mật độ dân số cao, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc, tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hoá.
- b)** Thiên tai, điều kiện về cơ sở hạ tầng, giao thông còn hạn chế gây khó khăn cho phát triển du lịch ở Nam Trung Bộ.
- c)** Các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể tạo thuận lợi chủ yếu cho Nam Trung Bộ phát triển đa dạng sản phẩm du lịch, thu hút du khách và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- d)** Giải pháp chủ yếu để tăng doanh thu từ ngành du lịch ở Nam Trung Bộ là hoàn thiện hạ tầng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường quảng bá.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1. Theo Niên giám Thống kê năm 2023, dân số vùng ĐBSCL năm 2023 là 17463,3 nghìn người và dân số thành thị là 4780,8 nghìn người. Tính tỉ lệ dân thành thị của vùng ĐBSCL năm 2023 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

Câu 2. Năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu của vùng ĐNB là 236,5 tỉ USD, cán cân xuất nhập khẩu của vùng là -11,3 tỉ USD. Tính giá trị nhập khẩu của vùng ĐNB năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG HẢI SẢN KHAI THÁC CỦA NAM TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2010-2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2020	2022
Sản lượng hải sản khai thác	707,1	913,6	1144,8	1167,9

(Nguồn Tổng cục Thống kê năm 2023)

Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng hải sản khai thác của Nam Trung Bộ năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT XUYÊN MỘC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: ĐỊA- LỚP: 12

Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 1104

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Ngành khai thác bô-xit ở Nam Trung Bộ phát triển trong thời gian gần đây là do

- A. đào tạo và nâng cao trình độ lao động.
- B. được nâng cấp về cơ sở hạ tầng, vốn lớn.
- C. có trữ lượng lớn, nhu cầu thị trường cao.
- D. chính sách phát triển, nhu cầu thị trường.

Câu 2. Ở vùng Đông Nam Bộ, loại rừng nào sau đây chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ?

- A. Rừng đặc dụng, rừng sản xuất.
- B. Rừng phòng hộ, rừng ngập mặn.
- C. Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.
- D. Rừng ngập mặn, rừng sản xuất.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho ngành công nghiệp công nghệ cao của vùng Đông Nam Bộ phát triển mạnh những năm gần đây?

- A. Lao động có trình độ cao.
- B. Nguồn lao động dồi dào.
- C. Nguồn vốn đầu tư lớn.
- D. Cơ sở hạ tầng đồng bộ.

Câu 4. Tác động của biến đổi khí hậu đối với ĐBSCL chủ yếu là

- A. giảm sản lượng và năng suất cây lúa.
- B. gia tăng ngập lụt và xâm nhập mặn.
- C. làm tăng nạn phá rừng ngập mặn.
- D. giảm lượng phù sa bồi đắp của vùng.

Câu 5. Thế mạnh hàng đầu về tự nhiên giúp Nam Trung Bộ phát triển cây công nghiệp lâu năm là

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm, có sự phân hóa
- B. địa hình cao nguyên bằng phẳng, đất badan.
- C. nước ngầm dồi dào, sông ngòi dày đặc.
- D. khí hậu phân hóa theo độ cao, lượng mưa lớn.

Câu 6. Sản lượng tôm nuôi của ĐBSCL tăng mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do

- A. phát triển trang trại lớn, áp dụng kĩ thuật mới, mở rộng thị trường.
- B. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều rừng ngập mặn, lao động dồi dào.
- C. thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh chế biến, nhiều cửa sông.
- D. diện tích biển rộng, khí hậu thuận lợi, công nghệ chế biến hiện đại.

Câu 7. Phương hướng nào sau đây **không** phù hợp với việc sử dụng hợp lí tự nhiên ở ĐBSCL?

- A. Phát triển nông nghiệp xanh, bền vững.
- B. Đầu tư hiện đại hoá hệ thống thủy lợi.
- C. Tập trung chủ yếu nuôi trồng thủy sản.
- D. Chủ động kiểm soát lũ, khai thác mùa lũ.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí của vùng Nam Trung Bộ?

- A. Giáp với hai quốc gia là Lào và Cam-pu-chia.
- B. Vùng giáp biển Đông giàu tiềm năng.
- C. Giáp với vùng Đồng bằng sông Hồng.
- D. Giáp với vùng Đông Nam Bộ.

Câu 9. Hoạt động chế biến hải sản ngày càng phát triển ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. nhu cầu đa dạng, phát triển cơ sở hạ tầng.
- B. ứng dụng công nghệ, thị trường mở rộng.
- C. đẩy mạnh thâm canh, đầu tư vào kĩ thuật.
- D. ưu tiên xuất khẩu, mở rộng diện tích nuôi.

Câu 10. Nhóm đất chiếm phần lớn diện tích ở ĐBSCL là gì?

- A. Đất phù sa.
- B. Đất phèn.
- C. Đất mặn.
- D. Đất cát.

Câu 11. Số tỉnh thuộc vùng Nam Trung Bộ hiện nay là

- A. 6
- B. 5
- C. 4
- D. 8

Câu 12. Các hồ chứa thủy lợi và thủy điện nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Dầu Tiếng, Trị An.
- B. Dầu Tiếng, Xuân Hương.
- C. Trị An, Phù Ninh.
- D. Trị An, Hồ Lắk.

Câu 13. Làm thế nào để phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản ở ĐBSCL?

- A. Đẩy mạnh nuôi trồng kết hợp bảo vệ môi trường nước.
- B. Tăng cường đánh bắt nguồn lợi thủy sản ở xa bờ.
- C. Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
- D. Tăng cường xây dựng các nhà máy chế biến thủy sản.

Câu 14. Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Nam Trung Bộ là

- A. khí hậu ổn định, ít ảnh hưởng của bão.
- B. vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn.

C. bờ biển dài, biển nóng ẩm quanh năm.

D. nhiều vũng, vịnh; thủy sản phong phú.

Câu 15. Doanh thu từ du lịch của Nam Trung Bộ ngày càng tăng chủ yếu do

A. có nhiều khách quốc tế, mức sống dân cư tăng.

B. sản phẩm hấp dẫn, tài nguyên du lịch đa dạng.

C. các chính sách đầu tư, thu hút nhiều du khách.

D. đẩy mạnh quảng bá, cơ sở hạ tầng được đầu tư.

Câu 16. Những mỏ dầu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Bạch Hổ, Rồng.

B. Lan Tây, Lan Đỏ.

C. Bạch Hổ, Lan Đỏ.

D. Lan Tây, Tiền Hải.

Câu 17. Khoáng sản có nhiều ở vùng núi của Nam Trung Bộ là

A. dầu mỏ.

B. than, sắt.

C. apatit.

D. bô-xít.

Câu 18. Thế mạnh nào sau đây đã thúc đẩy ngành dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây?

A. Chất lượng đời sống cao, nền kinh tế phát triển mạnh.

B. Dân số đông, chất lượng đời sống cao và tăng nhanh.

C. Nền kinh tế phát triển mạnh, chất lượng đời sống tăng.

D. Ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển hàng đầu cả nước.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho thông tin sau:

"Ngành du lịch tại Đồng bằng sông Cửu Long đang có nhiều tiềm năng phát triển nhờ vào cảnh quan sông nước, văn hóa đặc trưng và hệ sinh thái đa dạng. Du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng đã trở thành những hình thức thu hút du khách. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng du lịch còn chưa hoàn thiện và sự phụ thuộc vào thời tiết làm giảm khả năng khai thác du lịch quanh năm."

(Nguồn: Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2022)

a) Cơ sở hạ tầng du lịch tại ĐBSCL đã phát triển đầy đủ và đáp ứng nhu cầu du khách.

b) Du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng là các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng ĐBSCL.

c) ĐBSCL có thể khai thác tất cả các loại hình du lịch quanh năm mà không bị ảnh hưởng bởi thời tiết.

d) Tài nguyên du lịch của vùng rất phong phú và độc đáo là những yếu tố thu hút khách du lịch đến ĐBSCL.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp ở Đông Nam Bộ, năm 2015 và 2021

Sản phẩm	2015	2021
Dầu thô (triệu tấn)	7,7	4,2
Khí tự nhiên (tỉ m ³)	8,5	6,1

Điện (tỉ kWh)	57,8	77,1
Giày giép (triệu đôi)	482,3	1262,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê 2016, 2022)

- a) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp ở Đông Nam Bộ từ năm 2015 đến 2021 đều tăng.
b) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp ở Đông Nam Bộ từ năm 2015 đến 2021 đều giảm.
c) Sản lượng điện và giày dép đều tăng và tăng lần lượt là 1,3 lần và 2,6 lần.
d) Suy giảm sản lượng tài nguyên thiên nhiên, tăng cường phát triển công nghiệp dịch vụ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Vùng Nam Trung Bộ đã khai thác thế mạnh và phát triển thủy điện từ rất sớm, trữ năng thủy điện tập trung chủ yếu trên các sông Sê San, Srê Pôk và Đồng Nai. Tổng sản lượng điện toàn vùng tăng liên tục trong những năm gần đây. Xây dựng nhà máy thủy điện cũng như hình thành các bậc thang thủy điện Nam Trung Bộ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tiết kiệm nguồn nước và chi phí xây dựng, bảo vệ tài nguyên môi trường, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, ngoài ra phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản tại các hồ thủy lợi.

- a) Nam Trung Bộ là vùng có sản lượng thủy điện lớn nhất cả nước.
b) Nam Trung Bộ phải xây dựng các bậc thang thủy điện là do địa hình dốc, nhiều sông suối có độ dốc lớn và lưu lượng nước mạnh.
c) Xây dựng các công trình thủy điện gây thiếu phù sa cho hạ lưu, ảnh hưởng đến nông nghiệp và hệ sinh thái sông.
d) Khai thác thủy năng kết hợp với thủy lợi giúp Nam Trung Bộ khắc phục một phần khô hạn, giữ mực nước ngầm.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Nam Trung Bộ có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng và đối ngoại của cả nước. Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế với các thế mạnh về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khai thác bô-xít và du lịch. Khí hậu của vùng có sự phân hóa thành hai mùa mưa - khô rõ rệt và theo độ cao địa hình. Tuy nhiên, mùa khô kéo dài 4 đến 5 tháng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu,... tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- a) Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước là những giải pháp để phát triển bền vững ở vùng Nam Trung Bộ.
b) Mùa khô ở Nam Trung Bộ kéo dài gây nhiều trở ngại cho sản xuất và đời sống người dân trong vùng.
c) Điều kiện khí hậu tạo thuận lợi cho Nam Trung Bộ phát triển chủ yếu các cây công nghiệp lâu năm có nguồn gốc cận nhiệt đới.
d) Khí hậu của vùng Nam Trung Bộ mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô vùng ĐBSCL, giai đoạn 2019 – 2023 (Đơn vị: ‰)

Năm 2019 2020 2021 2022 2023

Tỉ suất sinh thô	12,7	12,8	12,4	10,9	10,3
Tỉ suất tử thô	7,0	6,8	6,9	7,1	6,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023)

Tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của vùng ĐBSCL năm 2023? (đơn vị tính là %, làm tròn đến 2 số thập phân)

Câu 2. Năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu của vùng ĐNB là 236,5 tỉ USD, cán cân xuất nhập khẩu của vùng là -11,3 tỉ USD. Tính giá trị xuất khẩu của vùng ĐNB năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG HẢI SẢN KHAI THÁC CỦA NAM TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2020	2022
Sản lượng hải sản khai thác	707,1	913,6	1 144,8	1181
Trong đó: Cá biển	516,9	721,9	940,4	1067,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2023)

Tính tỉ trọng sản lượng cá biển so với sản lượng hải sản khai thác năm 2022 (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị %).

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN THI CUỐI KỲ 2 MÔN ĐỊA 12(2025-2026)

PHẦN I

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1101	B	C	D	A	B	D	B	D	D	C	C	D	A	C	B	A	B	D
1103	D	D	C	B	B	A	C	C	C	C	B	D	C	C	C	B	A	B

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1102	B	C	B	B	D	A	A	C	D	D	C	C	B	A	D	D	A	D
1104	D	C	A	B	B	A	C	C	B	B	A	A	A	B	C	A	D	C

PHẦN II: 1101

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
a	S	a	Đ	a	S	a	Đ
b	Đ	b	S	b	S	b	S
c	S	c	Đ	c	Đ	c	S
d	Đ	d	S	d	Đ	d	Đ

PHẦN II: 1102

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
a	Đ	a	S	a	S	a	S
b	Đ	b	Đ	b	S	b	Đ
c	S	c	Đ	c	Đ	c	S
d	S	d	Đ	d	S	d	Đ

PHẦN II: 1103

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
a	Đ	a	S	a	Đ	a	S
b	S	b	S	b	S	b	Đ
c	S	c	Đ	c	Đ	c	S
d	Đ	d	Đ	d	S	d	Đ

PHẦN II: 1104

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
a	S	a	S	a	S	a	Đ
b	Đ	b	S	b	Đ	b	Đ
c	S	c	Đ	c	Đ	c	S
d	Đ	d	S	d	Đ	d	S

PHẦN III

MA DE	CÂU 1	CÂU 2	CÂU 3
1101	165	124	27,4
1102	90,4	113	0,39
1103	27,4	124	165
1104	0,39	113	90,4